Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 8549.29.00

Mã HS	8549.29.00
Mô tả hàng hóa	Phế liệu và phế thải điện và điện tử / - Loại được sử dụng chủ yếu để thu hồi kim loại quý: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	02/11/2026 10:52:30
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/85492900/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K16165
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N16165
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q16165
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E15517
ATIGA	2022	2022	0	AT!E15446
ATIGA	2023	2023	0	AT!F15446
ATIGA	2024	2024	0	AT!G15446
ATIGA	2025	2025	0	AT!H15446
ATIGA	2026	2026	0	AT!I15446
ATIGA	2027	2027	0	AT!J15446
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E15502
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F15502

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G15502
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H15502
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I15502
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J15502
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E15503
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F15503
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G15503
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H15503
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I15503
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J15503
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F15504
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H15452
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F15460
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G15460
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H15460
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I15460
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J15460
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K15460
VKFTA	2022	2022	0	VK!E15500
VKFTA	2023	2023	0	VK!F15500
VKFTA	2024	2024	0	VK!G15500
VKFTA	2025	2025	0	VK!H15500
VKFTA	2026	2026	0	VK!I15500
VKFTA	2027	2027	0	VK!J15500
VCFTA	2022	2022	0	VC!D15562
VCFTA	2023	2023	0	VC!E15562

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F15562
VCFTA	2025	2025	0	VC!G15562
VCFTA	2026	2026	0	VC!H15562
VCFTA	2027	2027	0	VC!I15562
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D15536
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E15536
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F15536
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G15536
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H15536
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I15536
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D15539
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E15539
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F15539
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G15539
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H15539
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I15539
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D15545
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E15545
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F15545
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G15545
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H15545
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I15545
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D15544
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E15544
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F15544
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G15544

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H15544
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I15544
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D15533
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E15533
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F15533
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G15533
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H15533
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I15533
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J15533
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D15527
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E15527
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F15527
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G15527
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H15527
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I15527
RCEP B	2022	2022	0	B!D15527
RCEP B	2023	2023	0	B!E15527
RCEP B	2024	2024	0	B!F15527
RCEP B	2025	2025	0	B!G15527
RCEP B	2026	2026	0	B!H15527
RCEP B	2027	2027	0	B!I15527
RCEP C	2022	2022	0	C!D15527
RCEP C	2023	2023	0	C!E15527
RCEP C	2024	2024	0	C!F15527
RCEP C	2025	2025	0	C!G15527
RCEP C	2026	2026	0	C!H15527

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I15527
RCEP D	2022	2022	0	D!D15526
RCEP D	2023	2023	0	D!E15526
RCEP D	2024	2024	0	D!F15526
RCEP D	2025	2025	0	D!G15526
RCEP D	2026	2026	0	D!H15526
RCEP D	2027	2027	0	D!I15526
RCEP E	2022	2022	0	E!D15530
RCEP E	2023	2023	0	E!E15530
RCEP E	2024	2024	0	E!F15530
RCEP E	2025	2025	0	E!G15530
RCEP E	2026	2026	0	E!H15530
RCEP E	2027	2027	0	E!I15530
RCEP F	2022	2022	0	F!D15527
RCEP F	2023	2023	0	F!E15527
RCEP F	2024	2024	0	F!F15527
RCEP F	2025	2025	0	F!G15527
RCEP F	2026	2026	0	F!H15527
RCEP F	2027	2027	0	F!I15527
VIFTA	2024	2024	0	VI!F14486
VIFTA	2025	2025	0	VI!G14486
VIFTA	2026	2026	0	VI!H14486
VIFTA	2027	2027	0	VI!I14486

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 8549.29.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 8549.29.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8549.29.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 8549.29.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N16165), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.